

Số: 1238/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 14 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v điều chỉnh tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách  
Trung ương cho ngân sách địa phương, đồng thời điều chỉnh tăng dự toán  
chi nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia  
Giảm nghèo bền vững, năm 2022 để phân bổ cho các đơn vị thực hiện**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên.*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-TTHĐND ngày 14/7/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, đồng thời điều chỉnh tăng dự toán chi nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, năm 2022 để phân bổ cho các đơn vị thực hiện;*

Căn cứ Công văn số 2006/LĐTBXH-VPQGGN ngày 15/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1284/TTr-STC ngày 29 tháng 6 năm 2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, đồng thời điều chỉnh tăng dự toán chi nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, năm 2022 tại Quyết định số 1025/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính với số tiền **94.606 triệu đồng** (Chín mươi tư tỷ, sáu trăm linh sáu triệu đồng) để phân bổ cho các đơn vị thực hiện (Có biểu chi tiết kèm theo).

**Điều 2:** Giao Giám đốc Sở Tài chính căn cứ Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh để điều chỉnh nội dung tương ứng và phân bổ kinh phí cho các đơn vị có tên tại Điều 1 Quyết định này thực hiện.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được điều chỉnh dự toán có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí được bổ sung theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm cân đối nguồn lực, đảm bảo bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 3% ngân sách trung ương bổ sung theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành để thực hiện Chương trình.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN<sub>(LVC)</sub>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô





**CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG,  
NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Điều chỉnh tăng thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương tại Quyết định số 1025/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính</b>	<b>94.606</b>	
<b>B</b>	<b>Điều chỉnh tăng chi dự toán cho các đơn vị</b>	<b>94.606</b>	
<b>I</b>	<b>Khối tỉnh</b>	<b>5.345</b>	
1	Sở Lao động Thương binh và xã hội	1.204	
2	Sở Thông tin và truyền thông	1.255	
3	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	421	
4	Sở Y tế	821	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	160	
6	Sở Xây dựng	160	
7	Trường Cao đẳng Nghề	662	
8	Trường Cao đẳng kinh tế - kỹ thuật	662	
<b>II</b>	<b>Khối huyện</b>	<b>89.261</b>	
1	Huyện Mường Nhé	9.700	
2	Huyện Mường Chà	9.661	
3	Huyện Tủa Chùa	10.210	
4	Huyện Tuần Giáo	12.684	
5	Huyện Điện Biên Đông	10.907	
6	Huyện Mường Ảng	8.330	
7	Huyện Nậm Pồ	11.897	
8	Huyện Điện Biên	7.726	
9	Thị xã Mường Lay	3.847	
10	TP. Điện Biên Phủ	4.299	

**CHI TIẾT PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Tổng cộng	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo		Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (sự nghiệp kinh tế)	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng		Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững						Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin			Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó (Sự nghiệp kinh tế)		Tổng số	Trong đó (sự nghiệp kinh tế)	Tổng số	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (sự nghiệp giáo dục)			Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sự nghiệp kinh tế)	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (sự nghiệp kinh tế)	Tổng số	Trong đó (sự nghiệp văn hoá-thông tin)		Tổng số	Trong đó (sự nghiệp giáo dục)		
				Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo			Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		Tổng số	Hỗ trợ cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	Hỗ trợ địa phương đào tạo nghề cho người lao động				Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=8+11+12	8=9+10	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16=17+18	17	18	C
	Tổng cộng	94.606	13.440	13.440	30.215	13.071	13.071	25.392	20.847	10.423	10.424	1.879	2.666	4.461	3.650	811	8.027	5.244	2.783	
I	Khối tỉnh	5.345	-	-	-	261	261	2.501	2.085	2.085	-	150	266	1.379	1.095	284	1.204	787	417	
1	Sở Lao động Thương binh và xã hội	1.204				-		516	100	100		150	266	284	-	284	404	287	117	
2	Sở Thông tin và truyền thông	1.255				-		-	-					1.095	1.095	-	160	100	60	
3	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	421				261	261	-	-					-			160	100	60	
4	Sở Y tế	821				-		661	661	661				-			160	100	60	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	160				-		-	-					-			160	100	60	
6	Sở Xây dựng	160				-		-	-					-			160	100	60	
7	Trường Cao đẳng Nghề	662						662	662	662										
8	Trường Cao đẳng kinh tế - kỹ thuật	662						662	662	662										
II	Khối huyện	89.261	13.440	13.440	30.215	12.810	12.810	22.891	18.762	8.338	10.424	1.729	2.400	3.082	2.555	527	6.823	4.457	2.366	
1	Huyện Mường Nhé	9.700	2.017	2.017	3.083	1.307	1.307	2.318	1.883	878	1.005	239	196	303	251	52	672	439	233	
2	Huyện Mường Chà	9.661	1.926	1.926	3.083	1.307	1.307	2.370	1.935	897	1.038	239	196	303	251	52	672	439	233	
3	Huyện Tủa Chùa	10.210	1.926	1.926	3.320	1.408	1.408	2.507	1.974	936	1.038	258	275	327	271	56	722	472	250	
4	Huyện Tuần Giáo	12.684	1.972	1.972	4.416	1.872	1.872	2.991	2.285	1.034	1.251	276	430	446	370	76	987	645	342	

Stt	Nội dung	Tổng cộng	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo		Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (sự nghiệp kinh tế)	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng		Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững						Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin			Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó (Sự nghiệp kinh tế)		Tổng số	Trong đó (sự nghiệp kinh tế)	Tổng số	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (sự nghiệp giáo dục)			Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sự nghiệp kinh tế)	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (sự nghiệp kinh tế)	Tổng số	Trong đó (sự nghiệp văn hoá-thông tin)		Tổng số	Trong đó (sự nghiệp giáo dục)		
				Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo			Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		Tổng số	Hỗ trợ cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	Hỗ trợ địa phương đào tạo nghề cho người lao động				Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	
5	Huyện Điện Biên Đông	10.907	1.859	1.859	3.663	1.553	1.553	2.659	2.127	975	1.152	257	275	365	303	62	808	528	280	
6	Huyện Mường Ảng	8.330	1.723	1.723	2.609	1.106	1.106	2.067	1.699	760	939	202	166	257	213	44	568	371	197	
7	Huyện Nậm Pồ	11.897	2.017	2.017	4.121	1.747	1.747	2.674	2.141	956	1.185	258	275	416	345	71	922	602	320	
8	Huyện Điện Biên	7.726	-		3.107	1.317	1.317	2.180	1.907	712	1.195	-	273	349	289	60	773	505	268	
9	Thị xã Mường Lay	3.847	-		1.308	555	555	1.512	1.391	605	786	-	121	147	122	25	325	212	113	
10	TP. Điện Biên Phủ	4.299	-		1.505	638	638	1.613	1.420	585	835	-	193	169	140	29	374	244	130	

57